TRANH DÂN GIAN ĐỒ THẾ VIỆT NAM

Nguyễn Thanh Lợi

Tranh dân gian đồ thế là loại tranh được sử dụng nhiều nhất trong tất cả các dòng tranh dân gian, do phục vụ nhu cầu tín ngưỡng. Khi xã hội hiện đại, tranh công nghiệp đã dần thay thế tranh mộc bản nhằm tiết kiệm nguyên liệu, hạ giá thành, nên dòng tranh này dần tàn lụi. Với tình yêu tranh dân gian, Nguyễn Thị Thu Hòa đã thực hiện nhiều chuyến điền dã trong vào ngoài nước, để dựng lại bức tranh về tranh dân gian đồ thế Việt Nam.

Mở đầu sách, tác giả cho biết "tranh dân gian đồ thế là tranh dân gian được dùng trong các nghi lễ tôn giáo và tín ngưỡng với chức năng là vật phẩm hiến tế những đối tượng được thờ cúng (thần linh hoặc linh hồn của những người đã chết".

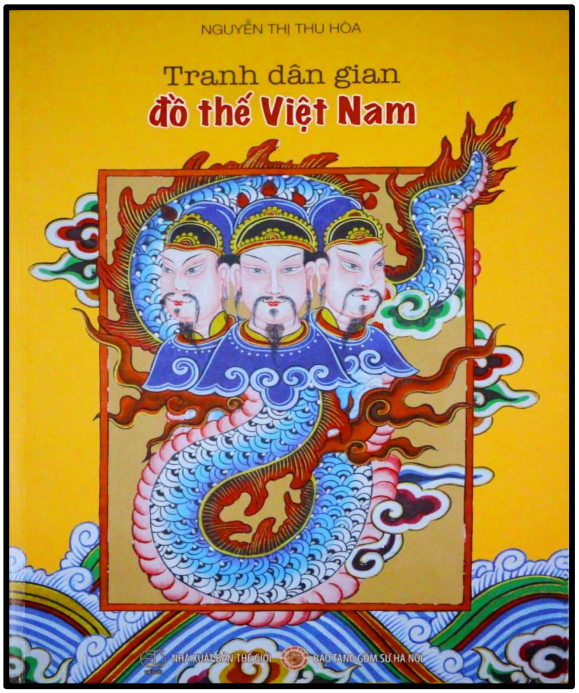

Đồ tùy táng trong các mộ chum ở Việt Nam là vũ khí, đồ trang sức, đồ gốm, công cụ đá, đồ trang sức, mảnh sọ, rìu, giáo, dao găm, thuổng, dao, vòng tay, khuyên tai, trống minh khí, chuông, tượng cóc… thể hiện thân phận, địa vị, dòng dõi người được chôn cất.

Thông qua lịch sử tranh dân gian đồ thế Việt Nam, tác giả dắt người đọc đi từ thời Lý (1009-1225), với các hình minh họa kèm trên ván; tranh thập vật trong nghi phát tấu thời Hồ Quý Ly (1396), cho đến tranh dân gian Đông Hồ thế kỷ 17, tranh Hàng Trống với tranh đồ thế (thế nam, thế nữ, ngựa, voi), tranh thờ (Táo Quân, Thổ Công, Tiên Sư), tranh trấn trạch (Tử Vi, Vũ Đinh – Thiên Ất), tranh Kim Hoàng thế kỷ 18, tranh làng Sình ở Huế thế kỷ 19, dòng tranh khắc in đồ thế Nam Trung Bộ và Nam Bộ cuối thế kỷ 19.

Theo tác giả, tranh dân gian đồ thế chia làm 4 loại: tranh in từ mộc bản, tranh vẽ tay, tranh cắt giấy, tranh kính. Hầu hết tranh đồ thế là tranh từ mộc bản, tranh kính số lượng ít, chỉ ở khu vực

Nha Trang. Tranh cắt giấy phổ biến ở các dân tộc miền núi phía Bắc. Theo nội dung có thể phân thành: tranh vẽ người, tranh vẽ thực vật, tranh vẽ động vật, tranh vẽ đồ vật, tranh hỗn hợp.

Tranh thập vật ra đời ít nhất từ thế kỷ 14, là tranh đồ thế cho các vật dụng trong các nghi thức của tam giáo (Phật – Đạo – Nho). Gồm 10 tranh thường được dùng nhiều trong lễ phát tấu. Phát tấu là nghi lễ sở cậy các vị sứ giả đi tấu thỉnh và đón rước Phật thánh về đàn tràng trong các đại đàn liên quan đến tam giáo: khai quang an vị thần tượng, hầu đồng của Tứ phủ.

Đọc sách chúng ta còn biết, tranh đồ thế Bắc Bộ thông dụng, một dạng của hàng mã gọi là đồ giấy để phân biệt với đồ mã. Tranh này dễ làm hơn hàng mã, ít công đoạn, giá thành rẻ, dễ vận chuyển đi xa. Mẫu phổ biến là voi, ngựa, hình nhân có 5 màu tương ứng với Ngũ hành. Người cúng dùng hình nhân có màu trùng với màu bản mệnh của mình.

Tranh đồ thế miền Trung, bao gồm tranh dân gian từ Thanh Hóa đến Bình Thuận, Tây Nguyên. Tranh làng Sình (thôn Lại Ân, xã Phú Mậu, tp. Huế), chủ yếu là tranh thờ cúng, sử dụng mẫu truyền thống, chỉ thay đổi kích thước theo nhu cầu người mua, chiều dài 1,2m, nay chỉ còn lại 50cm. Tận dụng nguyên liệu có nguồn gốc tự nhiên quanh nhà, rừng, biển, nhất là điệp, nguyên liệu từ nhuyễn thể lớp hai mảnh vỏ sống ở vùng nước mặn hoặc lợ.

Vào đến Nam Bộ, tác giả giới thiệu tranh hình nhân thế mạng để cầu may mắn hoặc thế mạng cho bản thân của người Hoa Sài Gòn. Mỗi hình nhân đại diện cho một người. Ngựa đại diện cho tính hăng hái, sung mãn, nhanh nhẹn. Tranh hình nhân này dùng trong tập tục "đánh kẻ tiểu nhân", rất phổ biến trong khoảng thời gian từ tháng giêng đến tháng hai âm lịch. Số lượng tranh đồ thế của người Hoa số lượng đa dạng, chi tiết hơn tranh của người Việt do nhu cầu cúng rất đa dạng của họ, từ các vị gia thần đến các thần linh nơi cộng đồng ở các chùa miếu.

Với sự say mê, tinh thần lao động nghiêm túc, sự đầu tư bài bản, Nguyễn Thị Thu Hòa đã mang đến cho người xem những hiểu biết phong phú, được trình bày một cách hệ thống, khoa học về dòng tranh đồ thế gắn bó chặt chẽ với đời sống tâm linh của các cộng đồng dân tộc ở Việt Nam.